|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **THPT NHO QUAN A**  **ĐỀ SỐ 05** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**  **Năm học 2024-2025**  **Môn: Địa lí**  *Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
| *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |  |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho du lịch biển - đảo nước ta ngày càng phát triển?

**A.** Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, giao thông thuận lợi.

**B.** Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt hơn, nhu cầu du lịch ngày càng tăng.

**C.** Dân số đông, lao động trong ngành du lịch dồi dào, đã qua đào tạo.

**D.** Khí hậu nhiệt đới, số giờ nắng cao, có đảo, quần đảo, bãi biển đẹp.

**Câu 2.** Trong những địa điểm sau ở nước ta, địa điểm nào có thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh lần một và lần hai trong năm xa nhau nhất?

**A.** Biên Hòa.  **B.** Nha Trang. **C.** Hà Nội.  **D.** Đà Nẵng.

**Câu 3.** Dạng thời tiết nắng nóng, kèm theo mưa dông xuất hiện vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do ảnh hưởng

**A.** áp thấp nóng phía tây lấn sang.

**B.** gió mùa mùa hạ đến sớm.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc.

**D.** Tín phong bán cầu Nam.

**Câu 4.** Trình độ phát triển công nghiệp hoá của một nước biểu thị ở

**A.** sức mạnh an ninh, quốc phòng của một quốc gia.

**B.** trình độ lao động và khoa học kĩ thuật của một quốc gia.

**C.** trình độ phát triển và sự lớn mạnh về kinh tế.

**D.** sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật.

**Câu 5.** Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

**A.** thay đổi giống cây mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng.

**B.** phát triển các mô hình kinh tế trang trại với quy mô ngày càng lớn.

**C.** xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh.

**D.** nâng cao chất lượng đội ngũ lao động và thành lập các nông trường.

**Câu 6.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay gặp nhiều khó khăn?

**A.** Xâm nhập mặn sâu.  **B.** Lũ lụt hằng năm gia tăng.

**C.** Diện tích mặt nước giảm.  **D.** Bão hoạt động mạnh.

**Câu 7.** Ý nghĩa lớn nhất của việc xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La đối với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** có tác dụng chống lũ lụt vào mùa mưa. **B.** góp phần cơ bản tình trạng thiếu điện.

**C.** kết hợp phát triển thủy lợi, thủy sản.  **D.** tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 8.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** tận dụng tài nguyên, phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

**B.** góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo nhiều việc làm.

**C.** đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

**D.** khai thác thế mạnh vùng núi, tạo nhiều việc làm.

**Câu 9.** Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc phát triển các tuyến giao thông theo hướng Đông - Tây ở Bắc Trung Bộ là

**A.** thúc đẩy phân bố lại dân cư, lao động.

**B.** hình thành một mạng lưới đô thị mới.

**C.** tăng cường giao thương với các nước.

**D.** làm tăng nhanh khối lượng vận chuyển.

**Câu 10.** Phương hướng quan trọng nhất nhằm giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay là

**A.** kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, phân bố lại dân cư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

**B.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và tăng cường sự quản lí của nhà nước.

**C.** hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất và thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.

**D.** đẩy mạnh xuất khẩu lao động và mở rộng, đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp.

**Câu 11.** Tại sao vấn đề quan trọng hàng đầu đối với vùng kinh tế là chuyên môn hóa sản xuất?

**A.** Phát huy thế mạnh của từng vùng, phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước.

**B.** Đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, môi trường và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** Phát huy thế mạnh của vùng, đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, môi trường.

**D.** Mang lại giá trị cao về kinh tế và phát huy những thế mạnh của vùng kinh tế.

**Câu 12.** Giải pháp chủ yếu để phát triển sản xuất cây công nghiệp theo hướng bền vững ở nước ta là

**A.** tăng sự liên kết, phát triển thị trường, đẩy mạnh sản xuất thâm canh và tăng vụ.

|  |
| --- |
| **B.** mở rộng vùng chuyên canh, đẩy mạnh nông nghiệp hữu cơ, nâng cao năng suất. |
| **C.** đẩy mạnh chuyên môn hóa, tăng sản lượng nông sản, ứng dụng các kĩ thuật mới. |
| **D.** ứng dụng công nghệ, gắn với chế biến và dịch vụ, đẩy mạnh nông nghiệp hữu cơ. |

**Câu 13.** Để đẩy mạnh sản xuất cây ăn quả nhiệt đới ở nước ta, giải pháp nào sau đây là chủ yếu?

|  |
| --- |
| **A.** Coi trọng việc đăng kí thương hiệu, áp dụng công nghệ, thay giống mới. |
| **B.** Đẩy mạnh kinh tế trang trại, áp dụng công nghệ, đảm bảo chuỗi sản xuất. |
| **C.** Đầu tư vốn, đẩy mạnh kinh tế trạng trại, tăng cường quảng bá thương hiệu. |
| **D.** Mở rộng thị trường, phát triển công nghệ chế biến, đảm bảo chuỗi sản xuất. |

**Câu 14.** Điểm tương đồng về thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam là

**A.** lịch sử khai thác lâu đời, có vị trí thuận lợi.

**B.** nguồn lao động với số lượng lớn, công nghiệp phát triển rất sớm.

**C.** cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt và đồng bộ

**D.** tiềm lực kinh tế mạnh nhất, trình độ phát triển kinh tế cao nhất

**Câu 15.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

**A.** đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.

**B.** phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.

**C.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.

**D.** thu hút lao động kĩ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

**Câu 16.** Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.

**B.** chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.

**C.** phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.

**D.** đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.

**Câu 17.** Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A.** phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.

**B.** hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.

**C.** đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.

**D.** tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.

**Câu 18.** Biện pháp nào sau đây mang tính cấp bách đối với chủ trương đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ của duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Đẩy mạnh việc đào tạo nâng cao trình độ cho ngư dân bám biển.

**B.** Tuyên truyền cho ngư dân hiểu và tuân thủ công ước về luật biển.

**C.** Tăng cường các cơ sở chế biến và mở rộng thị trường ngoài nước

**D.** Xây dựng mới các cảng cá lớn và đảm bảo tốt hậu cần trên biển.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Nếu lấy trị số trung bình hàng năm của chế độ nhiệt để so sánh thì thấy sự chênh lệch giữa miền Bắc và miền Nam không lớn lắm, chỉ vào khoảng 0,350C/10 vĩ tuyến. Nếu lấy trị số trung bình chế độ nhiệt trong cùng thời kì mùa hạ để so sánh thì sự chênh lệch giữa miền Bắc và miền Nam còn nhỏ hơn rất nhiều. Song nếu lấy riêng trị số trung bình của chế độ nhiệt trong cùng thời kì mùa đông để so sánh thì sự sự chênh lệch giữa miền Bắc và miền Nam là rất lớn, tới 10C/10 vĩ tuyến.

**a)** Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng, trong đó rõ rệt nhất là phân hóa theo quy luật địa đới.

**b)** Sự phân hóa theo chiều Bắc - Nam thể hiện qua sự phân hóa của khí hậu và các hệ sinh thái tự nhiên.

**c)** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên giữa miền Bắc với miền Nam là do hoạt động của sông ngòi.

**d)** Vùng lãnh thổ phía Nam có cảnh quan thiên nhiên khác vùng lãnh thổ phía Bắc do nằm xa xích đạo, chịu ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 2019 - 2022**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2019** | **2021** | **2022** |
| Cả nước | 2,19 | 3,20 | 2,34 |
| Thành thị | 3,10 | 4,33 | 2,82 |
| Nông thôn | 1,74 | 2,50 | 2,04 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

**a)** Tỷ lệ thất nghiệp của cả nước năm 2022 so với 2019 giảm.

**b)** Tỷ lệ thất nghiệp thành thị luôn cao hơn nông thôn.

**c)** Tỷ lệ thất nghiệp năm 2019 - 2020 tăng do tác động của dịch Covid.

**d)** Thất nghiệp ở thành thị biến động mạnh hơn nông thôn do sự khác nhau về quy mô dân số.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều đồng cỏ, chủ yếu trên các cao nguyên độ cao 600 - 700 m. Các đồng cỏ tuy không lớn, nhưng ở đây có thể phát triển chăn nuôi trâu, bò (lấy thịt và lấy sữa), ngựa, dê. Bò sữa được nuôi tập trung ở cao nguyên Mộc Châu (Sơn La).

**a)** Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có tổng số đàn trâu lớn nhất cả nước.

**b)** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ được phát triển theo hướng tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ do có điều kiện tự nhiên thuận lợi, thức ăn, thị trường.

**c)** Phát triển đàn bò sữa nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

**d)** Khó khăn chủ yếu với việc phát triển đàn gia súc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa hình đồi núi, khó khăn cho việc chăn thả trên qui mô lớn.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Qua hơn nửa thế kỉ phát triển đến nay, ngành công nghiệp này đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên tăng nhanh trong những thập kỉ trước đây. Ngành công nghiệp lọc hóa dầu phát triển với các nhà máy Nghi Sơn (Thanh Hóa), Dung Quất (Quảng Ngãi), Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu).

**a)** Hiện nay nước ta đã thu hồi được khí đồng hành trong khai thác dầu mỏ.

**b)** Công nghiệp chế biến dầu phát triển với sự ra đời của nhà máy lọc dầu Dung Quất.

**c)** Việc đẩy mạnh chế biến dầu khí giúp cho nước ta chủ động hoàn toàn trong việc cung ứng thị trường trong nước.

**d)** Một trong những sản phẩm chế biến từ khí thiên nhiên quen thuộc trong đời sống hàng ngày là các chất dẻo, nhựa.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động phân theo vùng ở nước ta,**

**năm 2022**

*(Đơn vị: khu*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng** | **Số lượng** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 22 |
| Đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung | 100 |
| Đồng bằng Bắc Trung Bộ | 42 |
| Tây Nguyên | 7 |
| Đông Nam Bộ | 72 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 50 |

Cho biết số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất của vùng Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % cả nước? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)*

**Đáp án: 24,6**

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng công nghiệp năng lượng nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2022** |
| Dầu khí (*triệu tấn*) | 15,0 | 18,7 | 14,0 | 10,8 |
| Than (*triệu tấn*) | 44,8 | 41,6 | 42,3 | 49,8 |
| Điện (*tỉ kwh*) | 91,7 | 157,9 | 209,2 | 258,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

Cho biết sản lượng dầu khí của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

**Đáp án: 28**

**Câu 3.** Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê Việt Nam: Năm 2022, dân số nước ta 99 468 nghìn người, Tỉ lệ dân thành thị là 37,5%. Hãy tính số dân nông thôn nước ta năm 2022. *(Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất của triệu người)*

**Đáp án: 62,2**

**Câu 4.** Cho bảng số liệu

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Khai thác | 2 414,4 | 3 049,9 | 3 863,7 |
| Nuôi trồng | 2 728,3 | 3 532,2 | 4 633,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, Cho biết tỉ trọng thủy sản khai thác của nước ta năm 2020 nhỏ hơn tỉ trọng thủy sản nuôi trồng bao nhiêu %. ( Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

**Đáp án: 9,0**

**Câu 5.** Cho bảng số liệu

**Lượng mưa các thống tại trạm khí tượng Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế) năm 2022**

*(Đơn vị: mm )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Lượng mưa | 95,6 | 70,8 | 128,3 | 381,0 | 157,3 | 33,8 | 61,3 | 157,5 | 448,8 | 1366,5 | 226,4 | 786,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tổng lượng mưa của các tháng mưa nhiều ở Huế năm 2022, (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

**Đáp án: 3652**

**Câu 6**. Năm 2021, dân số Việt Nam là 98,5 triệu người, đến năm 2066 dân số nước ta ước đạt 150 triệu người. Coi như tỉ xuất nhập cư không đáng kể, hãy tính tỉ lệ gia tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2026 của nước ta *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ 2)?*

**Đáp án: 0,94**

-------HẾT--------